

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Phạm Thái T, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T1 là Luật sư của Công ty L1 - Chi nhánh Đ Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Khương Bảo L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Quách Thúy P, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Tất cả đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2024, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, chị Huỳnh Phạm Thái T, trình bày: Chị và anh Khương Bảo L

quen biết nhau qua mai mối, sau đó gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 30/11/2023, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng không còn tiếng nói chung, phát sinh mâu thuẫn nên không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân từ tháng 3/2024. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Vàng cưới gia đình chị T cho gồm: 05 cây vàng loại 24k, trị giá 370.000.000 đồng; Vàng cưới gia đình chồng cho 3,6 cây vàng loại 24k; 01 đôi bông hột xoàn trị giá 43.100.000 đồng, 01 cặp nhẫn hột xoàn trị giá 17.800.000 đồng, tổng trị giá 370.000.000 đồng; 01 lắc tay vàng Ý, trị giá 20.062.000 đồng, 01 lắc tay vàng Ý, trị giá 28.576.000 đồng, 01 dây chuyền vàng Ý, trị giá 24.738.000 đồng, 01 nhẫn vàng Ý, trị giá 3.577.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 816.953.000 đồng. Hiện nay, toàn bộ tài sản trên do bà Quách Thúy P, là mẹ của anh L quản lý. Chị yêu cầu bà Quách Thúy P trả lại bằng giá trị cho vợ chồng chị và anh Khương Bảo L chia đôi, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị là 408.476.500 đồng. Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 11/6/2024, chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung, do đã tự thỏa thuận được với nhau.

Bị đơn, anh Khương Bảo L trình bày: Anh và chị T được mai mối, gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 10/2023, nhưng không đăng ký kết hôn, đề nghị không công nhận hôn nhân giữa anh và chị T. Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Quách Thúy P không có ý kiến, yêu cầu trong vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Huỳnh Phạm Thái T và anh Khương Bảo L là vợ chồng. Về việc nuôi con và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chị T đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Phạm Thái T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Khương Bảo L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tất cả đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của chị T, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L và xã T thì chị T và anh L chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý... Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L. Về con chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 238 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 18, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Huỳnh Phạm Thái T đã rút.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Phạm Thái T với anh Khương Bảo L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Phạm Thái T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.169.000đ theo biên lai thu số 0006117 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, trả lại cho chị T 9.869.000đ (Chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú